

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HS-ST
Ngày 08-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Định.

2. Ông Nguyễn Vũ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2022/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/HSST-QĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/HSST-QĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **HUỲNH CHÍ B**, sinh ngày 03 tháng 01 năm 1990, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký HKTT, chỗ ở: Tổ dân phố 06, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Huỳnh Chí C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968;

Anh, chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất;

Vợ: Phạm Hồng T, sinh năm 1993.

Con: Có 01 người con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. Anh **Phạm Trung K**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Anh **Hoàng Việt Đ**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn 15, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn 16, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

6. Anh **Đông Phong L**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, HUỖNH CHÍ B, cư trú tại tổ dân phố 06, phường H, thành phố T sử dụng số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cho nhiều người trên địa bàn thành phố T và huyện lân cận vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, với lãi suất từ 3.000 đồng đến 6.666 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, mục đích để thu lợi nhuận bất chính.

Về hình thức cho vay, người vay sẽ phải trả một khoản tiền lãi cố định theo ngày, nếu vay trong thời gian dài thì 01 tháng chỉ tính tiền lãi 30 ngày (nếu tháng nào 31 thì không tính lãi ngày 31), cho đến khi trả được hết số tiền gốc đã vay. Người vay tiền không phải thế chấp tài sản, chỉ cần viết giấy vay nợ là vay được tiền, người vay viết giấy với nội dung vay một khoản tiền cụ thể, không ghi lãi suất. Đối với người thân, quen thì không cần viết giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng về số tiền vay và lãi suất. Hình thức giao tiền là đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng. Khi người vay trả hết số tiền gốc, B đưa lại giấy vay tiền, nếu người vay tiền không nhận giấy thì B giữ lại.

Quá trình điều tra xác định, HUỖNH CHÍ B cho những người sau vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, gồm:

1. Cho Phạm Trung K, sinh năm 1992, cư trú tại tổ dân phố 08, phường H, thành phố T vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 21/6/2018, B cho K vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 3.000.000 đồng. Từ 21/6/2018 đến ngày 21/9/2018 là 90 ngày, K trả lãi cho B là 9.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 182,50%, gấp 9,13 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.013.699 đồng. Ngày 21/9/2018, K trả cho B tiền gốc 20.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 04/10/2018, B cho K vay 10.000.000 đồng, ngày 07/10/2018, B cho K vay 10.000.000 đồng, tổng số là 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000

đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 3.000.000 đồng. Từ 04/10/2018 đến ngày 04/01/2019 là 90 ngày, K trả lãi cho B là 9.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 182,50%, gấp 9,13 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.013.699 đồng. Ngày 04/01/2019 K trả cho B tiền gốc 20.000.000 đồng.

2. Cho Nguyễn Thị M, sinh năm 1962, cư trú tại tổ dân phố 10, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 22/5/2019, B cho M vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 750.000 đồng. Từ 22/5/2019 đến ngày 22/02/2020 là 270 ngày, M trả tiền lãi cho B là 6.750.000 đồng (tương ứng với lãi suất 182,50%, gấp 9,13 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định là 739.726 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.010.274 đồng. Sau khi trả lãi đến ngày 22/02/2020 thì M xin B không trả lãi cho khoản vay trên, B đồng ý, đối với số tiền gốc M chưa trả.

Lần 2: Ngày 05/6/2019, B cho M vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 750.000 đồng. Từ 05/6/2019 đến ngày 05/02/2020 là 240 ngày, M trả tiền lãi cho B là 6.000.000 đồng (tương ứng với lãi suất 182,50% gấp 9,13 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.342.466 đồng. Do lãi suất quá cao M xin B không trả tiền lãi mà chỉ trả tiền gốc, B đồng ý. Đến ngày 09/11/2021, M trả cho B 4.000.000 đồng tiền gốc, hiện M còn nợ 6.000.000 đồng tiền gốc.

3. Cho Hoàng Việt Đ, sinh năm 1991, cư trú tại tổ dân phố 10, phường N, thành phố T vay 01 lần:

Ngày 09/8/2019, B cho Hoàng Việt Đ vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng mỗi lần trả 450.000 đồng. Từ 09/8/2019 đến ngày 09/3/2020 là 210 ngày, Đ trả tiền lãi cho B là 3.150.000 đồng (tương ứng với lãi suất 109,50%, gấp 5,48 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định là 575.342 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.574.658 đồng. Cùng ngày 09/3/2020, Đ trả cho B số tiền gốc 5.000.000 đồng.

4. Cho Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, cư trú tại thôn 15, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần:

Ngày 26/02/2020, B cho T vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng mỗi lần trả 3.600.000 đồng. Từ 06/02/2020 đến ngày 26/12/2020 là 320 ngày, số lãi T phải trả theo thỏa thuận là 36.000.000 đồng, đến ngày 26/12/2020, T chỉ trả tiền lãi được cho B 29.100.000 đồng/36.000.000 đồng, còn nợ lại 6.900.000 đồng lãi. Do T chưa trả được tiền gốc 30.000.000 đồng và còn nợ lại B tiền lãi 6.900.000 đồng (từ ngày 26/02/2020 đến 26/12/2020) và số tiền 3.100.000 đồng tiền lãi từ ngày 26/12/2020 đến 26/01/2021 nên ngày 02/02/2020, B yêu cầu T viết giấy vay B số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 4.800.000 đồng (giấy vay số tiền 30.000.000 đồng ngày 26/02/2020 B hủy bỏ).

Như vậy, từ ngày 26/02/2020 đến 26/01/2021 là 330 ngày, T trả cho B tổng số tiền lãi là 39.100.000 đồng (tương ứng với lãi suất 146%, gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định 5.424.658 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 33.675.342 đồng, T chưa trả số tiền gốc.

Sau khi T vay khoản mới 40.000.000 đồng (thực tế đây vẫn là số tiền gốc mà B cho T vay ban đầu là 30.000.000 đồng và 10.000.000 đồng là tiền lãi mà T phải trả cho B từ khoản vay trên) từ 02/02/2021 đến 02/7/2021 là 150 ngày, với số lãi phải trả là 24.000.000 đồng (tương ứng với lãi suất 146%, gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định) nhưng T chỉ trả được cho B tiền lãi là 19.600.000 đồng/24.000.000 đồng, trong đó trong đó số tiền lãi theo quy định 3.287.671 đồng, số tiền B thu lợi bất chính là 20.721.329 đồng, T còn nợ lại 4.400.000 đồng lãi. Do hoàn cảnh khó khăn T xin B không thu tiền lãi của 04 tháng còn lại tính từ 02/7/2021 đến 08/11/2021, B đồng ý.

Vậy, từ 26/02/2020 đến 08/11/2021 thông qua 02 khoản vay ngày 26/02/2020 và khoản vay ngày 02/02/2021, T trả cho B 58.700.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 4.400.000 đồng. Tổng số lãi T phải trả cho B là 63.100.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo quy định là 8.712.329, số tiền B thu lợi bất chính là 54.387.671 đồng. Đến nay T còn nợ B 30.000.000 đồng tiền gốc và 4.400.000 tiền lãi

5. Cho Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982, cư trú tại thôn 16, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 09/10/2020 B cho Đ vay 10.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 3.000.000 đồng. Từ ngày 09/10/2020 đến 24/10/2020 là 15 ngày, Đ trả cho B tiền lãi là 750.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 182,50% gấp 9,13 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định là 82.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 667.808 đồng. Cùng ngày 24/10/2020, Đ trả cho B tiền gốc 10.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 01/11/2021, B cho Đ vay 5.000.000 đồng theo hình thức trả tiền lãi và tiền gốc theo ngày, mỗi ngày Đ phải trả cho B 200.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày. Từ 01/11/2021 đến ngày 30/11/2021 là 30 ngày, Đ trả cho B là 6.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi là 1.000.000 đồng, lãi là 6.666 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 243,31%, gấp 12,16 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định là 82.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 917.808 đồng.

6. Cho Đồng Phong L, sinh năm 1989, cư trú tại tổ 10, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 15/7/2021, B cho Lâm vay tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 1.800.000 đồng. Từ ngày 15/7/2021 đến 20/7/2021 là 05 ngày, Lâm trả cho B tiền gốc 20.000.000 đồng và 300.000 đồng tiền lãi (tương ứng với mức lãi suất 109,50%, gấp 5,48 lần lãi suất theo quy định), trong đó số tiền lãi theo quy định là 54.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 245.205 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 9/2021 (không xác định được ngày), B cho Lâm vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 1.800.000 đồng, 10 ngày sau Lâm trả

cho B tiền gốc 20.000.000 đồng và 600.000 đồng tiền lãi của 10 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,50%, gấp 5,48 lần lãi suất theo quy định, trong đó số tiền lãi theo quy định là 109.590, số tiền thu lợi bất chính là 490.411 đồng).

Như vậy, trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, HUỖNH CHÍ B có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 06 người với lãi suất cao gấp từ 5,48 lần đến 12,16 lần so với mức lãi xuất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự (mức lãi xuất cao nhất 20%/năm) với tổng số tiền cho vay là 140.000.000 đồng; tổng số tiền lãi thu được là 99.650.000 đồng, trong đó số tiền lãi thực tế đã thu là 92.250.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 86.663.699 đồng, số tiền lãi theo quy định là 12.986.302 đồng). Số tiền gốc người vay chưa trả cho B là 36.000.000 đồng. Số tiền lãi người vay chưa trả là 4.400.000 đồng.

* Vật chứng: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ và lưu trong hồ sơ vụ án gồm:

- 01 Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 15/7/2021 của Đồng Phong L vay HUỖNH CHÍ B số tiền 20.000.000 đồng.

- 01 Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 09/10/2020 của Nguyễn Văn Đ vay HUỖNH CHÍ B số tiền 10.000.000 đồng.

- 01 Giấy vay tiền ngày 22/5/2019 của Nguyễn Thị M vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng

- 01 Giấy vay tiền đề ngày 05/6/2019 của Nguyễn Thị M vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng.

- 01 Giấy vay tiền đề ngày 09/8/2019 của Hoàng Việt Đ vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHHK Hùng Star.

- 01 Giấy vay tiền đề ngày 04/10/2018 của Phạm Trung K vay HUỖNH CHÍ B 10.000.000 đồng.

- 01 Giấy vay tiền đề ngày 07/10/2018 của Phạm Trung K vay HUỖNH CHÍ B số tiền 10.000.000 đồng.

HUỖNH CHÍ B đã giao nộp số tiền 4.800.000 đồng mà HUỖNH CHÍ B thu tiền lãi của Nguyễn Thị T, ngày 12/11/2021 Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T yêu cầu B trả lại tiền lãi là 54.396.671 đồng; Nguyễn Thị M yêu cầu B trả lại tiền lãi là 11.352.740 đồng, Phạm Trung K yêu cầu B hoàn trả lại số tiền lãi là 16.027.398 đồng, hiện B chưa hoàn trả lại số tiền trên.

Hoàng Việt Đ, Nguyễn Văn Đ và Đồng Phong L không đề nghị gì về phần dân sự đối với B.

Tại Cơ quan điều tra, HUỖNH CHÍ B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của B còn được chứng minh bằng: Các tài liệu, đồ vật thu giữ; sao kê tài khoản tại ngân hàng; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSTP, ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố HUỖNH

CHỈ B về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo B tiếp tục khai nhận hành vi cho người khác vay tiền với mức lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình với mục đích thu lời bất chính. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo là đúng tội, không oan.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự bị cáo B có ý kiến: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, anh Phạm Trung K yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá quy định thì bị cáo hoàn toàn nhất trí hoàn trả lại theo quy định của pháp luật. Đối với anh Hoàng Việt Đ, anh Nguyễn Văn Đ và anh Đồng Phong L không đề nghị bị cáo hoàn trả lại tiền lãi vượt quá quy định, nên bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Trung K trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 90 đến 94): Do có nhu cầu vay tiền nên ngày 21/6/2018, tôi có vay của B số tiền 20.000.000 đồng gốc, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 3.000.000 đồng. Từ 21/6/2018 đến ngày 21/9/2018 là 90 ngày, tôi trả lãi cho B là 9.000.000 đồng. Ngày 21/9/2018, tôi trả cho B tiền gốc 20.000.000 đồng. Ngày 04/10/2018, tôi có vay của B 10.000.000 đồng tiền gốc, ngày 07/10/2018, tôi lại tiếp tục vay của B 10.000.000 đồng tiền gốc, tổng cộng là 20.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 3.000.000 đồng. Từ 04/10/2018 đến ngày 04/01/2019 là 90 ngày, tôi đã trả lãi cho B là 9.000.000 đồng. Ngày 04/01/2019 tôi đã trả cho B đủ 20.000.000 đồng tiền gốc. Xét thấy B đã lấy lãi của tôi quá cao, nên tôi yêu cầu B hoàn trả lại tôi số tiền lãi vượt quá quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 95 đến 99): Ngày 22/5/2019, Tôi có vay của B 5.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 750.000 đồng. Từ 22/5/2019 đến ngày 22/02/2020 là 270 ngày, tôi đã trả tiền lãi cho B là 6.750.000 đồng. Sau khi trả lãi đến ngày 22/02/2020 do khó khăn về kinh tế nên tôi xin B không trả lãi cho khoản vay trên, B đồng ý, đối với số tiền gốc đến nay tôi chưa trả cho B. Tiếp đến ngày 05/6/2019, tôi có vay của B 5.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 750.000 đồng. Từ 05/6/2019 đến ngày 05/02/2020 là 240 ngày, tôi đã trả tiền lãi cho B là 6.000.000 đồng. Do lãi suất quá cao nên tôi xin B không trả tiền lãi mà chỉ trả tiền gốc, B đồng ý. Đến ngày 09/11/2021, tôi trả cho B 4.000.000 đồng tiền gốc, hiện tôi còn nợ B 6.000.000 đồng tiền gốc. Tôi yêu cầu B hoàn trả lại tôi số tiền lãi vượt quá quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Việt Đ trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 100 đến 103): Ngày 09/8/2019, tôi có vay của B 5.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng mỗi lần trả 450.000 đồng. Từ 09/8/2019 đến ngày 09/3/2020 là 210 ngày, tôi đã trả tiền lãi cho B là 3.150.000

đồng và trả cho B số tiền gốc 5.000.000 đồng. Số tiền lãi suất cao mà B đã lấy của tôi, tôi không yêu cầu B hoàn trả lại tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 77 đến 89): Ngày 26/02/2020, tôi có vay của B 30.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng mỗi lần trả 3.600.000 đồng. Từ 06/02/2020 đến ngày 26/12/2020 là 320 ngày, số lãi tôi phải trả theo thỏa thuận là 36.000.000 đồng, đến ngày 26/12/2020, tôi chỉ trả tiền lãi được cho B 29.100.000 đồng/36.000.000 đồng, còn nợ lại 6.900.000 đồng lãi. Do tôi chưa trả được tiền gốc 30.000.000 đồng và còn nợ lại B tiền lãi 6.900.000 đồng (từ ngày 26/02/2020 đến 26/12/2020) và số tiền 3.100.000 đồng tiền lãi từ ngày 26/12/2020 đến 26/01/2021, nên ngày 02/02/2020, B yêu cầu tôi viết giấy vay B số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 4.800.000 đồng. Như vậy, từ ngày 26/02/2020 đến 26/01/2021 là 330 ngày, tôi trả cho B tổng số tiền lãi là 39.100.000 đồng, tiền gốc đến nay tôi chưa trả cho B.

Sau khi tôi ký nhận vay khoản mới 40.000.000 đồng (thực tế đây vẫn là số tiền gốc mà B cho tôi vay ban đầu là 30.000.000 đồng và 10.000.000 đồng là tiền lãi mà tôi phải trả cho B từ khoản vay trên) từ 02/02/2021 đến 02/7/2021 là 150 ngày, với số tiền lãi tôi phải trả là 24.000.000 đồng, nhưng tôi chỉ trả được cho B tiền lãi là 19.600.000 đồng/24.000.000 đồng, tôi còn nợ lại B 4.400.000 đồng lãi. Do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin B không thu tiền lãi của 04 tháng còn lại tính từ 02/7/2021 đến 08/11/2021, B đồng ý.

Vậy, từ 26/02/2020 đến 08/11/2021 thông qua 02 khoản vay ngày 26/02/2020 và khoản vay ngày 02/02/2021, tôi đã trả cho B 58.700.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 4.400.000 đồng. Tổng số lãi tôi phải trả cho B là 63.100.000 đồng, đến nay tôi còn nợ B 30.000.000 đồng tiền gốc và 4.400.000 tiền lãi. Tôi yêu cầu B hoàn trả lại tôi số tiền lãi vượt quá quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đ trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 104 đến 107): Ngày 09/10/2020 tôi có vay của B 10.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 3.000.000 đồng. Từ ngày 09/10/2020 đến 24/10/2020 là 15 ngày, tôi đã trả cho B tiền lãi là 750.000 đồng và trả cho B 10.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 01/11/2021, tôi lại vay của B 5.000.000 đồng tiền gốc theo hình thức trả tiền lãi và tiền gốc theo ngày, mỗi ngày tôi phải trả cho B 200.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày. Từ 01/11/2021 đến ngày 30/11/2021 là 30 ngày, tôi đã trả cho B là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi suất cao mà B đã lấy của tôi, tôi không yêu cầu B hoàn trả lại tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đồng Phong L trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 108 đến 113): Ngày 15/7/2021, tôi có vay của B 20.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 1.800.000 đồng. Từ ngày 15/7/2021 đến 20/7/2021 là 05 ngày, tôi đã trả cho B tiền gốc 20.000.000 đồng và 300.000 đồng tiền lãi. Đến khoảng tháng 9/2021 (không xác

định được ngày), tôi lại vay của B 20.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng, mỗi lần trả 1.800.000 đồng, 10 ngày sau tôi trả cho B tiền gốc 20.000.000 đồng và 600.000 đồng tiền lãi của 10 ngày. Số tiền lãi suất cao mà B đã lấy của tôi, tôi không yêu cầu B hoàn trả lại tôi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo HUỖNH CHÍ B và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 201; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo HUỖNH CHÍ B phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*.

- Xử phạt: Bị cáo HUỖNH CHÍ B từ 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 357; 579; 580 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo HUỖNH CHÍ B có trách nhiệm hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu hoàn trả lại tiền lãi vượt quá quy định số tiền 81.776.809 đồng do thu lãi vượt quá quy định; tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T chưa trả cho bị cáo 4.400.000 đồng tiền lãi và trong giai đoạn điều tra bị cáo B đã giao nộp lại 4.800.000 đồng tiền lãi đã thu của chị T (trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.535 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 4.142.465 đồng), nên bị cáo B còn phải hoàn trả lại số tiền là 73.234.344 đồng, cụ thể: Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T 45.854.206 đồng (đã trừ 4.400.000 đồng tiền lãi chị T chưa trả B và 4.142.465 đồng tiền lãi vượt quá quy định có trong tổng số tiền 4.800.000 đồng mà bị cáo B đã giao nộp trong giai đoạn điều tra). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M 11.352.740 đồng. Hoàn trả lại cho anh Phạm Trung K 16.027.398 đồng. Bị cáo B phải chịu lãi nếu chậm thi hành án khoản tiền phải hoàn trả lại trên.

Anh Hoàng Việt Đ, anh Nguyễn Văn Đ và anh Đồng Phong L không đề nghị gì về dân sự, các bên không có tranh chấp gì, nên không đề cập xử lý.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- + Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc 140.000.000 đồng bị cáo HUỖNH CHÍ B dùng vào việc phạm tội; trong đó truy thu bị cáo HUỖNH CHÍ B 104.000.000 đồng; truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M số tiền 6.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000 đồng (do chị M và bà T chưa trả số tiền này cho bị cáo B).

- + Đối với số tiền 4.800.000 đồng mà HUỖNH CHÍ B đã giao nộp trong giai đoạn điều tra là khoản tiền thu tiền lãi của Nguyễn Thị T, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 657.535 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định là 4.142.465 đồng. Nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 657.535 đồng tiền lãi hợp pháp. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 4.142.465 đồng tiền lãi vượt quá quy định, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án truy thu số tiền gốc 30.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T.

+ Truy thu của bị cáo HUỖNH CHÍ B để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 12.986.302 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền số tiền lãi hợp pháp là 657.535 đồng có trong tổng số tiền lãi 4.800.000 đồng đã thu của chị Nguyễn Thị T mà bị cáo B đã giao nộp trong giai đoạn điều tra, nên còn phải truy thu của bị cáo B số tiền là 12.328.767 đồng.

+ Tịch thu lưu hồ sơ 01 Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 15/7/2021 của Đồng Phong L vay HUỖNH CHÍ B số tiền 20.000.000 đồng. 01 Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 09/10/2020 của Nguyễn Văn Đ vay HUỖNH CHÍ B số tiền 10.000.000 đồng. 01 Giấy vay tiền ngày 22/5/2019 của Nguyễn Thị M vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng; 01 Giấy vay tiền đề ngày 05/6/2019 của Nguyễn Thị M vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng. 01 Giấy vay tiền đề ngày 09/8/2019 của Hoàng Việt Đ vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng. 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH K Hùng Star. 01 Giấy vay tiền đề ngày 04/10/2018 của Phạm Trung K vay HUỖNH CHÍ B 10.000.000 đồng; 01 Giấy vay tiền đề ngày 07/10/2018 của Phạm Trung K vay HUỖNH CHÍ B số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo B phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo B không có ý kiến tranh luận gì với nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo B nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo HUỖNH CHÍ B tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, tại địa bàn thành phố T và huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; HUỖNH CHÍ B, cư trú tại tổ dân phố 06, phường H, thành

phố T có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với nhiều người. Mức lãi suất cao vượt quá từ 5,48 lần đến 12,16 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%), cụ thể: Cho 06 người vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 6.666 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 109,2%/năm đến 243,31%/năm, gấp từ 5,48 lần đến 12,16 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định trong Bộ luật dân sự, với tổng số tiền gốc là 140.000.000 đồng; tổng số tiền lãi thu được là 99.650.000 đồng; trong đó số tiền lãi thực tế đã thu về là 95.250.000 đồng, số tiền thu lợi vượt quá quy định là 86.663.699 đồng, số tiền lãi theo quy định là 12.986.302 đồng; trong đó tổng số tiền gốc cho vay đã thu về là 104.000.000 đồng; số tiền gốc người vay chưa trả cho bị cáo B là 36.000.000 đồng; số tiền lãi người vay chưa trả cho bị cáo B là 4.400.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi vượt quá quy định từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo HUỖNH CHÍ B là 86.663.699 đồng (Tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu ba nghìn sáu trăm chín chín đồng). Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố HUỖNH CHÍ B về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo B một mình thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình đã gây ra.

[5] Mức án xử phạt: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, do vậy, xử phạt bị cáo B mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo B theo quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo B đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 86.663.699 đồng do thu lãi vượt quá quy định, nhưng do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lâm, anh Đ, anh Đ không yêu cầu bị cáo B phải hoàn trả lại số tiền lãi vượt quá quy định, nên buộc bị cáo B có trách nhiệm hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M, chị T, anh K tổng số tiền là 81.776.809 đồng; tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T chưa trả cho bị cáo B 4.400.000 đồng tiền lãi và trong giai đoạn

điều tra bị cáo B đã giao nộp lại 4.800.000 đồng tiền lãi thu của chị T (trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.535 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 4.142.465 đồng), nên bị cáo B còn phải hoàn trả lại số tiền là 73.234.344 đồng, cụ thể:

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T 45.854.206 đồng (đã trừ 4.400.000 đồng tiền lãi chị T còn nợ B và 4.142.465 đồng tiền lãi vượt quá quy định mà bị cáo B đã giao nộp trong giai đoạn điều tra).

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M 11.352.740 đồng.

- Hoàn trả lại cho anh Phạm Trung K 16.027.398 đồng.

Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, nếu bị cáo chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357; 579; 580 của Bộ luật dân sự.

Đối với anh Hoàng Việt Đ, anh Nguyễn Văn Đ và anh Đồng Phong L không đề nghị gì về phần dân sự, các bên không có tranh chấp gì, nên không xem xét giải quyết theo quy định.

[8] Về biện pháp tư pháp: - Xét thấy bị cáo B đã dùng số tiền gốc 140.000.000 đồng vào việc phạm tội, nhưng thực tế bị cáo B mới nhận lại tiền gốc là 104.000.000 đồng, còn lại bị cáo chưa nhận lại tiền gốc của bà Nguyễn Thị M là 6.000.000 đồng, của chị Nguyễn Thị T là 30.000.000 đồng (do chị M và chị T chưa trả số tiền này cho bị cáo B). Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc 140.000.000 đồng bị cáo HUỖNH CHÍ B dùng vào việc phạm tội; trong đó truy thu của bị cáo HUỖNH CHÍ B số tiền là 104.000.000 đồng, truy thu của bà Nguyễn Thị M số tiền là 6.000.000 đồng, truy thu của chị Nguyễn Thị T số tiền là 30.000.000 đồng (do bà M và chị T chưa trả cho bị cáo B).

- Đối với số tiền 4.800.000 đồng mà HUỖNH CHÍ B đã giao nộp tại trong giai đoạn điều tra là khoản thu tiền lãi của chị Nguyễn Thị T, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 657.535 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định là 4.142.465 đồng, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 657.535 đồng tiền lãi hợp pháp; trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 4.142.465 đồng tiền lãi vượt quá quy định, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án số tiền gốc 30.000.000 đồng mà chị Nguyễn Thị T bị truy thu.

- Truy thu của bị cáo HUỖNH CHÍ B để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 12.986.302 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền số tiền lãi hợp pháp là 657.535 đồng có trong tổng số tiền lãi 4.800.000 đồng đã thu của chị Nguyễn Thị T mà bị cáo B đã giao nộp trong giai đoạn điều tra, nên còn phải truy thu của bị cáo B số tiền là 12.328.767 đồng.

- Tịch thu lưu hồ sơ 01 Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 15/7/2021 của Đồng Phong L vay HUỖNH CHÍ B số tiền 20.000.000 đồng. 01 Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 09/10/2020 của Nguyễn Văn Đ vay HUỖNH CHÍ B số tiền 10.000.000 đồng. 01 Giấy vay tiền ngày 22/5/2019 của Nguyễn Thị M vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng. 01 Giấy vay tiền đề ngày 05/6/2019 của Nguyễn Thị M vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng. 01 Giấy vay tiền đề ngày 09/8/2019 của Hoàng Việt Đ vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng. 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH K Hùng Star. 01 Giấy vay tiền đề ngày 04/10/2018 của Phạm Trung K vay HUỖNH CHÍ B 10.000.000 đồng. 01 Giấy vay

tiền đề ngày 07/10/2018 của Phạm Trung K vay HUỖNH CHÍ B số tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo B phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

** Tuyên bố:* Bị cáo **HUỖNH CHÍ B** phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*.

** Xử phạt:* Bị cáo HUỖNH CHÍ B 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357; 579; 580 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Huỳnh Chi B có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T 45.854.206 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm năm mươi tư nghìn hai trăm linh sáu đồng).

- Buộc bị cáo Huỳnh Chi B có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M 11.352.740 đồng (Mười một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

- Buộc bị cáo Huỳnh Chi B có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Phạm Trung K 16.027.398 đồng (Mười sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín tám đồng).

Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo Huỳnh Chi B số tiền là 104.000.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo HUỖNH CHÍ B số tiền 12.328.767 đồng (Mười hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu bảy đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 657.535 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba năm đồng) tiền lãi mà bị cáo HUỖNH CHÍ B đã giao nộp trong giai đoạn điều tra. Số tiền này có trong tổng số tiền 4.800.000 đồng (Bốn

triệu tám trăm nghìn đồng) Cơ quan Công an thành phố T đã chuyển vào tài khoản tạm giữ số 39490106484800000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở tại kho bạc Nhà nước Tuyên Quang theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12 tháng 11 năm 2021.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 4.142.465 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu năm đồng) tiền lãi vượt quá quy định mà bị cáo HUỖNH CHÍ B đã giao nộp trong giai đoạn điều tra. Số tiền này có trong tổng số tiền 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) Cơ quan Công an thành phố T đã chuyển vào tài khoản tạm giữ số 39490106484800000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở tại kho bạc Nhà nước Tuyên Quang theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12 tháng 11 năm 2021, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Tịch thu lưu hồ sơ 01 (Một) Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 15/7/2021 của Đồng Phong L vay HUỖNH CHÍ B số tiền 20.000.000 đồng. 01 (Một) Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 09/10/2020 của Nguyễn Văn Đ vay HUỖNH CHÍ B số tiền 10.000.000 đồng. 01 (Một) Giấy vay tiền ngày 22/5/2019 của Nguyễn Thị M vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng; 01 (Một) Giấy vay tiền đề ngày 05/6/2019 của Nguyễn Thị M vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng. 01 (Một) Giấy vay tiền đề ngày 09/8/2019 của Hoàng Việt Đ vay HUỖNH CHÍ B số tiền 5.000.000 đồng. 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH K Hùng Star. 01 (Một) Giấy vay tiền đề ngày 04/10/2018 của Phạm Trung K vay HUỖNH CHÍ B 10.000.000 đồng; 01 (Một) Giấy vay tiền đề ngày 07/10/2018 của Phạm Trung K vay HUỖNH CHÍ B số tiền 10.000.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo HUỖNH CHÍ B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh Đ và anh Lâm được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh K, anh Đ, anh Đ, anh Lâm, chị T và bà M được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Công an TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo B;
- Anh K, anh Đ, anh Đ, anh Lâm, chị T bà M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn